

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 17 – 6 – 2020

V/v: *Kiến xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Ông Trần Xuân Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 17/6/2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2020 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng T; sinh năm: 1993; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh G; sinh năm: 1984; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/01/2020, được bổ sung tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Trần Thanh G có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2013 tại UBND xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng, không tìm thấy tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh G ham mê cờ bạc, rượu chè sau đó gây rối chửi bới vợ con, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Chị T thấy tinh thần suy sụp, cuộc sống bế tắc dễ ảnh hưởng đến tinh thần con cái đồng thời vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau, mục

đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng mong muốn Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh G.

* Tại bản tự khai và qua các buổi hòa giải ngày 04/3/2020, ngày 04/5/2020 cũng như tại phiên tòa, anh G trình bày: Anh và chị Phạm Thị Hồng T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2013 tại UBND xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mặc dù có phát sinh một số mâu thuẫn trong đời sống, nhất là những mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu nhưng theo anh G những mâu thuẫn đó không có gì trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn, anh G có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Chị T và anh G cùng trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 21/8/2014, hiện nay cháu Minh đang sinh sống cùng chị T. Chị T, anh G đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Nếu được nuôi con, chị T yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nếu được nuôi con, anh G không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu không được nuôi con, anh G cho rằng chị T đủ khả năng nuôi con nên không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Tại phiên hòa giải ngày 04/5/2020 chị T trình bày vợ chồng không còn tài sản gì chung. Tất cả tài sản chung đều đã bán để trả nợ. Số nợ chị T đã phải trả cho anh G là 800.000.000 đồng. Chị T có cung cấp 11 giấy vay mượn tiền do anh G viết để vay mượn các cá nhân bên ngoài để chứng minh ý kiến của mình đồng thời có yêu cầu anh G phải trả lại ½ số tiền mà chị T đã trả nợ thay cho anh G là 400.000.000 đồng.

Anh G không đồng ý với ý kiến của chị T về phần nợ chung của vợ chồng, đồng thời trình bày vợ chồng có tài sản chung là 02 cây vàng tây 18K trị giá 60.000.000 đồng và 01 quầy thuốc tây trị giá 150.000.000 đồng (gồm tiền vật liệu xây dựng, tiền công thợ và tiền thuốc), hiện nay số vàng nói trên do chị T quản lý còn quầy thuốc tây đã bị dỡ bỏ chỉ còn lại các bộ khung cửa nhôm kính hiện cũng do chị T giữ. Anh G có nguyện vọng chia đôi tài sản chung nói trên. Qua quá trình hòa giải, Tòa án đã giải thích và hướng dẫn anh G trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải cuối cùng (04/5/2020), anh G phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh về tài sản chung đã kê khai. Tuy nhiên, hết thời hạn nói trên cho đến phiên tòa hôm nay, anh Giáp không làm đơn yêu cầu chia tài sản cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Trần Thanh G có địa chỉ cư trú: Tổ dân phố X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai. Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các phiên hòa giải ngày 04/3/2020 và ngày 04/5/2020, chị T và anh G chưa thống nhất được các mối quan hệ, nên vụ án hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Hồng T và anh Trần Thanh G đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã không cùng nhau để giữ gìn hôn nhân bền vững, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm gì đến nhau, hiện nay anh chị không sống chung với nhau, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Anh G tại bản tự khai và các buổi hòa giải đều có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh cũng đồng ý ly hôn nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị T và anh G đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không còn tồn tại, cuộc sống không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh G là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị T và anh G đều thừa nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên là Trần Nhật M, sinh ngày 21/8/2014. Sau khi ly hôn, chị T và anh G đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, cháu M hiện đang còn nhỏ tuổi, cần nhiều sự chăm sóc nuôi dưỡng từ người mẹ đồng thời hiện cháu cũng đang sống với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh G cho rằng nếu giao con cho chị T nuôi thì anh G sẽ không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con, anh Giáp có công việc và thu nhập ổn định

nên cần buộc anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung:

Quá trình hòa giải, chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Nhưng anh G có vay mượn số tiền 800.000.000 đồng, chị T đã trả nợ thay nên có yêu cầu anh G phải trả lại $\frac{1}{2}$ số tiền mà chị T đã trả nợ thay cho anh G là 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Phía anh G trình bày tài sản chung vợ chồng có 02 cây vàng tây 18K trị giá 60.000.000 đồng và 01 quầy thuốc tây trị giá 150.000.000 đồng (gồm tiền vật liệu xây dựng, tiền công thợ và tiền thuốc) mà anh G kê khai nhưng chị T không thừa nhận, hiện trạng của quầy thuốc tây đã bị tháo dỡ, không xác định được giá trị đồng thời anh G không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các yêu cầu của anh G đã được Tòa án giải thích và hướng dẫn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải cuối cùng (04/5/2020), anh G phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung; cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh về tài sản chung đã kê khai và phải có nghĩa vụ nộp dự phí yêu cầu chia tài sản. Tuy nhiên, hết thời hạn nói trên cho đến phiên tòa hôm nay, anh G không làm đơn yêu cầu chia tài sản cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T và anh G mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên chị T thỏa thuận chịu nộp thay anh G tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0006255 ngày 08/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Thanh G phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng T và anh Trần Thanh G.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung cháu Trần Nhật M, sinh ngày 21/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh G có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung cháu Trần Nhật M tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Chị T và anh G mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên chị T thỏa thuận chịu nộp thay cho anh G tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0006255 ngày 08/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Thanh G phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2020). Đề yêu cầu Toá án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phúc Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Văn Trương Quang Lương

Nguyễn Phúc Nam

